

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải

Bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: **Không.**

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện H, Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện H, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, các lời khai, trình bày có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Ngọc T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/01/1989. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 1995 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông T2 thường xuyên bạo hành và dùng những ngôn từ thô tục, chửi mắng bà T thậm tệ. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông T2.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 05/3/1990; Nguyễn Văn T3, sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Văn K, sinh ngày 05/02/1994. Hiện cả ba con đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Ông T2 và bà Đỗ Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình

thường, không có va chạm gì lớn, chỉ thi thoảng cãi vã bình thường như những gia đình khác, chỉ duy nhất một lần gần đây nhất, đêm ngày 02 tết âm lịch, bà T đi chơi về muộn, ông T2 đóng cửa, bà T không gọi cho ông T2 mở cửa mà đi ngủ chỗ khác. Đến sáng ngày 03 tết thì bà T về xách quần áo đi khỏi nhà cho đến giữa tháng 02/2025 âm lịch bà T mới về và đề nghị ly hôn, ông T2 không đồng ý, bà T tự ý nộp đơn ra Tòa án. Nay bà T xin ly hôn ông T2, ông T2 rất bức xúc nhưng cũng mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông T2 cũng để bà T giải quyết. Ông T2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và từ chối đến Tòa án làm việc.

Về con: Vợ chồng 03 con chung là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 05/3/1990; Nguyễn Văn T3, sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Văn K, sinh ngày 05/02/1994. Hiện cả 03 con đã trưởng thành và tự lập nên ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Ông T2 không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Đỗ Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Ngọc T2; bị đơn - ông T2 có địa chỉ tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự.*

Nguyên đơn, bị đơn đều xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về hôn nhân:* Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Ngọc T2 tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người đưa ra là khác nhau nhưng thực tế ông bà đã có những va chạm, bất hòa, bà T đơn xin ly hôn ông T2, ông T2 mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng từ chối đến Tòa án làm việc và xin được giải quyết vắng mặt, đồng thời ông T2 cũng tỏ rõ quan điểm nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông T2 cũng để bà T giải quyết, thể hiện ông T2 cũng không thực sự tha thiết đoàn tụ vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông T2.

[2.2]. *Về con chung:* Vợ chồng 03 con chung là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 05/3/1990; Nguyễn Văn T3, sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Văn K, sinh ngày 05/02/1994. Hiện tại cả ba

con chung của bà T, ông T2 đã trưởng thành và tự lập, ông T2, bà T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản và công nợ*: Bà T, ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Đỗ Thị T phải chịu phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, **Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân*: Bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T2.
- Về con chung*: Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Ngọc T2 có 03 con chung là Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 05/3/1990; Nguyễn Văn T3, sinh ngày 05/7/1991; Nguyễn Văn K, sinh ngày 05/02/1994. Hiện tại cả ba con chung của bà T, ông T2 đã trưởng thành và tự lập. Bà T và ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí*: Bà Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000353 ngày 19/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân